

Bản án số: 131/2021/DS-PT  
Ngày: 31-12-2021  
V/v “ Tranh chấp Hợp đồng vay  
tài sản ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thư

**Các Thẩm phán:** Ông Bùi Văn Bình

Ông Phạm Tiến Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2021/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Bà Võ Thị H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị S, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Theo giấy ủy quyền ngày 18/11/2021). Có mặt

**\*Bị đơn:** Ông Mai Văn A, sinh năm 1988 và bà Bùi Thị Lam L, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Có mặt

**\*Người kháng cáo:** Bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:** Khoảng tháng 10/2020 bà H có vay dùm cho ông Mai Văn A, bà Bùi Thị Lam L số tiền 800.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng nhưng sau đó ông A, bà L đã trả cho bà H số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại là 784.000.000 đồng có làm giấy vay tiền lại. Ông A và bà L cam kết đến ngày 30-10-2020 sẽ trả cho bà H nhưng từ đó đến nay

vẫn chưa trả, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông A, bà L vẫn chưa trả nợ cho bà H.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà L trả cho bà số tiền gốc còn lại là 784.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất Ngân hàng với mức lãi suất 01% tháng tính từ ngày 31/10/2020 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2021 tính tròn là 10 tháng thành tiền là 78.400.000 đồng tiền lãi suất.

***\*Bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L trình bày:***

Ngày 19-01-2020 vợ chồng Ông A và bà L có vay của bà H số tiền 800.000.000 đồng với mức lãi suất 2000đồng/triệu/ngày. Đã trả được 16.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi là 192.500.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì và cũng không yêu cầu Tòa án tính lại phần lãi suất đã trả cho bà H trước thời điểm làm giấy vay tiền lại vào ngày 09/10/2020.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông, bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn lại là 784.000.000 đồng, còn lãi suất chậm trả thì không đồng ý trả lãi suất. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông, bà xin được trả dần số tiền gốc mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra ông bà không còn yêu cầu gì khác.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Buộc ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị H số tiền gốc là 784.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 78.400.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất là 862.400.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 07/10/2021 bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P. Yêu cầu tính lại phần lãi suất cho bị đơn và nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Mai Văn A.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số

28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P về phần tính lãi suất, các phần khác không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo bị đơn bà Bùi Thị Lam L và ông Mai Văn A thực hiện trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Lam L và ông Mai Văn A HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất bị đơn Ông A và bà L có vay của nguyên đơn bà H số tiền 784.000.000 đồng thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 09/10/2020 (Bút lục số 03). Đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông A, bà L về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ về việc bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn bà H theo lãi suất vay vượt quá quy định của pháp luật (lãi ngày 2.000đồng/ngày/triệu) để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm tại bản tự khai ngày 20/01/2021 (bút lục 11) bị đơn ông A, bà L đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án qua Cơ quan điều tra để giải quyết theo thủ tục vụ án hình sự. Nhưng tại bản tự khai đề ngày 22/3/2021 (Bút lục 12) ông A đồng ý trả số tiền nợ gốc 784.000.000 đồng và chấp nhận trả lãi theo mức lãi suất Ngân hàng là 1%/tháng tiền lãi cho bà H tính từ ngày 30/10/2020 đến nay. Đối với lãi suất vợ chồng ông A đã trả trước đó cho bà H thì ông bà không yêu cầu Tòa án tính lại và giải quyết vấn đề này. Ngoài ra ông A không còn yêu cầu nào khác.

Ngày 12/7/2021 Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng đã tiến hành xác minh tại Công A huyện Phú Riềng về việc ông A, bà L làm đơn tố cáo bà Võ Thị H về hành vi cho vay nặng lãi hay không? Qua xác minh tại Công A huyện Phú Riềng thì Công A huyện Phú Riềng không tiếp nhận và không thụ lý giải quyết đơn tố giác của ông Mai Văn A, bà Bùi Thị Lam L đối với bà Võ Thị H nên hiện tại không thụ lý giải quyết (Bút lục 19, 21). Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 01/9/2021 (bút lục số 28) bị đơn ông A, bà L đồng ý trả cho nguyên đơn bà H số tiền 784.000.000 đồng và xin không trả phần lãi suất. Đồng thời ông A, bà L cũng không yêu cầu gì. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Đối với yêu cầu của bà H về lãi suất chậm trả tính từ ngày 31-10-2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 24-9-2021) tính tròn là 10 tháng và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất Ngân hàng với mức lãi suất 01%/tháng tính thành tiền là 78.400.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật

Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của bà H về lãi suất là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLTTDS. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận và thống nhất được lãi suất tại thời điểm vay tiền. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ*”. Như vậy, cần tính lại lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự là 0,83%/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn ông A, bà L về yêu cầu tính lại tiền lãi được HĐXX chấp nhận. Cụ thể lãi suất được tính như sau: 784.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng = 65.072.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Lam L và ông Mai Văn A về việc không đồng ý liên đới trả số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, thấy rằng: Ông A trình bày thời điểm vay tiền của bà H là do một mình ông A vay giúp cho bạn bà mà không liên quan đến gia đình và bà Linh, bà Linh hoàn toàn không biết gì về việc vay tiền của bà H là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “**Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng**

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

**Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng**

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

... ”

Ông A cho rằng bà Linh không biết gì về việc vay tiền của bà H, đây là số tiền ông A vay với mục đích để làm kinh doanh nông sản riêng, không dùng vào mục đích chi tiêu trong gia đình nhưng ông A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, tại bản tự khai của ông Mai Văn A đề ngày 22/3/2021 (bút lục số 12) và biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị Lam L ngày 27/4/2021 (Bút lục số 13), cả hai vợ chồng ông A, bà L đều thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 784.000.000 đồng, đồng thời cũng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 784.000.000 đồng nhưng xin được trả dần số tiền nợ này do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn.

Hơn nữa, đối với số tiền 784.000.000 đồng ông A, bà L vay của bà H thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 09/10/2020 có cả chữ ký của hai vợ chồng ông bà.

Và đây cũng không phải là số tiền nhỏ nên ông A trình bày bà Linh không biết là không hợp lý. Do đó lời trình bày của ông A, bà L là không có cơ sở nên không được HĐXX chấp nhận. Mặt khác, tại thời điểm vay tiền thì Ông A và bà L vẫn đang là vợ chồng hợp pháp nên HĐXX có đủ căn cứ để buộc bà Linh phải có nghĩa vụ liên đới với ông A để trả cho nguyên đơn số tiền đã vay và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó kháng cáo của ông A, bà L không được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc xin được giảm tiền án phí do hoàn cảnh gặp khó khăn. HĐXX xét thấy, tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh bị đơn thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí theo quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được HĐXX chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L về phần lãi suất, còn các phần khác không được HĐXX chấp nhận. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước về phần lãi suất là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông A, bà L không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37, 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Buộc Ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị H số tiền gốc là 784.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 65.072.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 849.072.000 đồng (Tám trăm bốn mươi chín triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.472.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Mai Văn A và bà Bùi Thị Lam L không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông A, bà L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015541 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Thư**